TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG NHÉ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12/8/2022
Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG NHÉ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vi Văn Thuy
2. Ông Lành Văn Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Quàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé tham gia phiên tòa: Ông Tòng Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 30/2022/TLST- HNGĐ ngày 23/5/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Sùng Thị M, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Bản C, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Vàng A Gi, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Bản C, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Sùng Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 23/7/2007 anh Gi, chị M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Trước khi đăng ký kết hôn vợ chồng đã có thời gian tìm hiểu nhau hơn một năm, kết hôn tự nguyện. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu và có 01 con chung là cháu Vàng Thị Mi S. Đến cuối năm 2012, đầu năm 2013 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh Gi có chơi bời cờ bạc, uống rượu nhiều ở bên ngoài, ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế gia đình. Chị M cũng đã khuyên anh Gi nhiều lần nhưng anh Gi không thay đổi mà còn có hành vi bạo lực gia

đình với chị M. Gần đây anh Gi còn hay chơi với các đối tượng có nhân thân xấu trong bản, anh Gi còn nghiện ma túy, tài sản gia đình anh Gi bán hết để lấy tiền chi tiêu chơi bời cá nhân riêng. Chị M với anh Gi đã ly thân từ tháng 5 năm 2016 đến nay. Chị M thấy tình cảm vợ chồng không còn, không chung sống với nhau từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy chị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng A Gi.

Về con chung: Chị M và anh Gi có 01 con chung, cháu tên là Vàng Thị Mi S, sinh ngày 04/4/2007. Chị M có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng. Lý do chị M yêu cầu được nuôi con là vì chị M và anh Gi đã ly thân từ lâu, con gái sống đã quen với mẹ từ nhỏ, anh Gi không quan tâm đến con, không có thời gian dành cho con, cho gia đình mà thường đi chơi bời bên ngoài. Hơn nữa chị cũng đảm bảo điều kiện về kinh tế để nuôi con chung. Chị muốn nuôi con để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như giáo dục con được tốt nhất cũng như đảm bảo cuộc sống của con không bị xáo trộn.

Về tài sản chung, nợ chung:

Tài sản chung: Chị M khai do anh Gi nghiện ma túy, chơi bời, uống rượu nên đã bán hết đồ đạc trong gia đình cũng như nhà cửa, hiện không có tài sản chung gì.

Nợ chung:

Nợ lấy về: không

Nợ phải trả: Chị M khai có một khoản nợ ngân hàng Liên Việt, khi làm hợp đồng vay tiền từ ngân hàng, anh Gi ép chị M ký vào hợp đồng, nếu không ký sẽ bị đánh đập nên chị M có ký vào hợp đồng, sau đó tiền vay thì chị M không biết và cũng không được tiêu số tiền đó, chị M không biết anh Gi dùng số tiền đó làm gì. Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Vàng A Gi:

Về hôn nhân: Trong bản tự khai ngày 25/5/2022 anh Gi trình bày: Anh Gi và chị M kết hôn tự nguyện và hợp pháp, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013, nguyên nhân là do hai vợ chồng không hiểu nhau, không chung quan điểm sống, không hòa hợp và không có sự thông cảm cho nhau. Anh Gi không đồng ý ly hôn. Trong các buổi hòa giải ngày 13/6/2022, ngày 20/6/2022 và ngày 01/7/2022 anh Gi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong bản tự khai ngày 25/5/2022, anh Gi khai về con chung đúng như chị M đã khai, anh Gi yêu cầu chị M nuôi con chung và anh Gi không cấp dưỡng con chung. Trong các buổi hòa giải ngày 13/6/2022, ngày 20/6/2022 và ngày 01/7/2022 anh Gi không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung:

Bản tự khai ngày 25/5/2022 anh Gi khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các buổi hòa giải ngày 13/6/2022, ngày 20/6/2022 và ngày 01/7/2022 anh Gi khai: Về tài sản chung: không có tài sản chung, về nợ chung: có một khoản nợ ngân hàng Liên Việt, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 20/7/2022 Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé nhận được đơn yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của anh Vàng A Gi gửi đến qua đường bưu điện với

nội dung: Yêu cầu chia tài sản chung là số gỗ trị giá 5.000.000 đồng tại bản C, xã H, huyện M và chia nợ chung từ ngân hàng Liên Việt là 80.500.000 đồng.

Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé đã làm thủ tục nhận đơn đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự: Chấp hành và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị giao con chung cho nguyên đơn chị M nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và tranh chấp nuôi con đối với bị đơn. Vậy đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về Nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Gi kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân giữa anh Gi và chị M là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M:

Tại phiên tòa chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Gi. Hội đồng xét xử xét thấy chị M cũng đã sống ly thân với anh Gi từ năm 2016 đến nay, thời gian dài chị M sống trong buồn phiền, chị cũng đã cố gắng động viên anh Gi, đã cố gắng vun vén gia đình, chăm sóc con chung, cho anh Gi cơ hội để sửa đổi bản thân, chăm sóc vợ con, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc, nhưng anh Gi không thay đổi mà vẫn chơi bời, bán hết tài sản gia đình và nhà cửa, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, chị M phải về ở với gia đình bên ngoại. Tại phiên tòa chị M cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị M không còn yêu thương anh Gi, cuộc sống chung của chị M và anh Gi không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị M: Chị M và anh Gi có 01 con chung là cháu Vàng Thị Mi S sinh ngày 04/4/2007. Chị M yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu S từ nhỏ đã ở với mẹ, đến khi chị M và anh Gi ly thân thì cháu S vẫn ở với mẹ, trong đơn ghi nguyện vọng cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh Gi hiện tại cũng không có chỗ ở ổn định, hay lang thang nay đây mai đó, từ lúc có con chung anh Gi cũng không quan tâm và chăm sóc nhiều cho con chung cả về tình cảm và vật chất, hiện tại anh Gi không có điều kiện kinh tế ổn định để nuôi dưỡng chăm sóc

giáo dục con chung một cách tốt nhất. Hội đồng xét xử xét thấy để cuộc sống của cháu S không bị xáo trộn, cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu S cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Anh Gi có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên đương sự cũng có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung:

Về tài sản chung: Các đương sự không có tài sản chung gì.

Các khoản nợ chung:

Nợ lấy về: không;

Nợ phải trả:

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại đơn khởi kiện cũng như các bản tự khai, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và các buổi hòa giải, các đương sự đều khai không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nợ chung, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến phần tài sản chung và nợ chung cho tòa án. Tuy nhiên sau khi tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì đến ngày 20/7/2022, tòa án nhận được đơn yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của anh Gi với nội dung: Yêu cầu chia tài sản chung là số gỗ trị giá 5.000.000 đồng tại bản C, xã H, huyện M và chia nợ chung từ ngân hàng Liên Việt là 80.500.000 đồng (anh Gi vẫn không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến phần tài sản chung và nợ chung này).

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với ý kiến của anh Gi về việc chia tài sản chung và nợ chung, trong quá trình giải quyết vụ án từ khi được thông báo thụ lý vụ án đến khi tiếp cận công khai chứng cứ ngày 13/6/2022 và các buổi hòa giải ngày 13/6/2022, ngày 20/6/2022, ngày 01/7/2022 anh Gi đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 20/7/2022 Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé nhận được đơn yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của anh Vàng A Gi gửi đến qua đường bưu điện, nội dung đơn yêu cầu chia tài sản chung là số gỗ trị giá 5.000.000 đồng tại bản C, xã H, huyện M và chia nợ chung từ ngân hàng Liên Việt là 80.500.000 đồng. Như vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể là tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ và các buổi hòa giải thẩm phán đã giải thích rõ cho các đương sự về quyền yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 18/7/2022 Tòa án ban hành quyết định xét xử, ngày 20/7/2022 Tòa án nhận được đơn yêu cầu chi tài sản chung và nợ chung. Xét thấy ý kiến về việc chia tài sản chung và nợ chung của bị đơn có liên quan đến việc nộp tạm ứng án phí, liên quan đến xác minh thu thập tài liệu chứng cứ và đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng, liên quan đến việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để giải quyết vụ án, việc này không thể bổ sung ngay tại phiên tòa được, do vậy hội đồng xét xử không xem xét ý kiến chia tài sản chung và nợ chung này của bị đơn. Bị đơn có thể khởi kiện để yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Xét thấy nguyên đơn là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở cùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, và điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm đ

khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Sùng Thị M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sùng Thị M.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Sùng Thị M được ly hôn với anh Vàng A Gi.

2. Về con chung: Giao cháu Vàng Thị Mi S, sinh ngày 04/4/2007 cho chị Sùng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị M không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vàng A Gi có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Gi, chị M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về tài sản:

Tài sản chung: Không có tài sản chung.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, và điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị sùng Thị M. Chị M được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0009856 ngày 20/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/8/2022).

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA (TAND tỉnh Điện Biên);
- Viện kiểm sát huyện Mường Nhé;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Mường Nhé;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Nhung